

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 732 /QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày 25 tháng 9 năm 2025

### QUYẾT ĐỊNH

**Danh mục mã định danh tài liệu, hồ sơ, kí hiệu văn bản  
của các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Lưu trữ số 33/2024/QH15 ngày 21 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư;*

*Căn cứ Quyết định số 28/2018/QĐ-TTG ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc gửi, nhận văn bản điện tử giữa các cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 05/2025/TT-BNV ngày 14 tháng 5 năm 2025 của Bộ Nội vụ quy định nghiệp vụ lưu trữ tài liệu lưu trữ số;*

*Căn cứ Công văn số 414/BNV-VTLTN ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ Nội vụ về việc tăng cường quản lý công tác văn thư, lưu trữ trong quá trình sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị theo Kết luận số 127-KL/TW của Bộ Chính trị;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 441/TTr-SNV ngày 22 tháng 9 năm 2025.*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này danh mục mã định danh tài liệu, hồ sơ, kí hiệu văn bản của các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang (chi tiết tại phụ lục kèm theo).

### **Điều 2.** Tổ chức thực hiện

1. Mã định danh tài liệu, hồ sơ, kí hiệu văn bản của các cơ quan, đơn vị quy định tại Điều 1 Quyết định này phục vụ trao đổi, quản lý văn bản điện tử và quản lý hồ sơ điện tử; kết nối, tích hợp, liên thông giữa Hệ thống quản lý văn bản và điều hành các cơ quan, đơn vị thuộc danh mục nộp tài liệu vào Lưu trữ lịch sử tỉnh và Hệ thống quản lý tài liệu điện tử của Trung tâm lưu trữ lịch sử tỉnh theo quy định.

2. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị chịu trách nhiệm ban hành ký hiệu cơ quan, đơn vị, bộ phận thuộc phạm vi quản lý (tên viết tắt của cơ quan, đơn vị, bộ phận trực thuộc).

3. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan cập nhật hệ thống mã định danh tài liệu, mã định danh hồ sơ của các cơ quan, tổ chức trong Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của tỉnh, bảo đảm đầy đủ và hoạt động thông suốt.

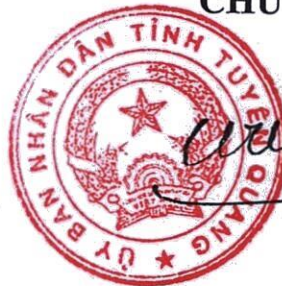
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước - Bộ Nội vụ;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, các phòng, đơn vị;
- Các sở, ngành, đơn vị thuộc UBND tỉnh;
- UBND cấp xã;
- Lưu: VT, NC.

*SA*



**CHỦ TỊCH**

**Phan Huy Ngọc**

## PHỤ LỤC

### DANH MỤC MÃ ĐỊNH DANH TÀI LIỆU, HỒ SƠ, KÍ HIỆU VĂN BẢN CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(Kèm theo Quyết định số: 732 /QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

| STT | Tên cơ quan, đơn vị                                                                                                                         | Kí hiệu của văn bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                               | Mã định danh tài liệu                                                                                                                                          |                                                                                     | Mã định danh hồ sơ<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                                                                             | Chữ viết tắt tên loại văn bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Tên viết tắt của cơ quan, đơn vị<br>(ký hiệu cơ quan, đơn vị) | Mã định danh điện tử (quy định tại Quyết định 326/QĐ-UBND ngày 25/6/2025, Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 15/12/2021; Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 18/8/2025) | Mã định danh tài liệu/văn bản (hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |                                                                             |
| I   | Cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh (14 cơ quan chuyên môn, 02 cơ quan quản lý nhà nước, 13 đơn vị sự nghiệp công lập) |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                               |                                                                                                                                                                |                                                                                     |                                                                             |
| 1   | Sở Công thương                                                                                                                              | Chữ viết tắt tên loại văn bản được quy định tại Phụ lục III Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư, quy định Chữ Viết tắt tên loại văn bản hành chính, bao gồm: Nghị quyết (NQ), Quyết định (QĐ), Chỉ thị (CT), Quy chế (QC), Quy định (QyĐ), Thông cáo (TC), Thông báo (TB), Hướng dẫn (HD), Chương trình (CTr), Kế hoạch (KH), Phương án (PA), Đề án (ĐA), Dự án (DA), Báo cáo (BC), Biên bản (BB), Tờ trình | SCT                                                           | H60.01                                                                                                                                                         | H60.01.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                  | H60.01.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                         |
| 2   | Sở Giáo dục và Đào tạo                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | SGDĐT                                                         | H60.02                                                                                                                                                         | H60.02.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                  | H60.02.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                         |
| 3   | Sở Khoa học và Công nghệ                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | SKHCN                                                         | H60.05                                                                                                                                                         | H60.05.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                  | H60.05.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                         |
| 4   | Sở Ngoại vụ                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | SNgV                                                          | H60.07                                                                                                                                                         | H60.07.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                  | H60.07.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                         |
| 5   | Sở Nội vụ                                                                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | SNV                                                           | H60.08                                                                                                                                                         | H60.08.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                  | H60.08.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                         |
| 6   | Sở Tài chính                                                                                                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | STC                                                           | H60.10                                                                                                                                                         | H60.10. Năm ban hành. Số văn bản. Tên loại văn bản                                  | H60.10.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                         |
| 7   | Sở Tư pháp                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | STP                                                           | H60.13                                                                                                                                                         | H60.13. Năm ban hành. Số văn bản. Tên loại văn bản                                  | H60.13.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                         |

| STT | Tên cơ quan, đơn vị                              | Kí hiệu của văn bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                               | Mã định danh tài liệu                                                                                                                                             |                                                                                        | Mã định danh hồ sơ<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |
|-----|--------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                  | Chữ viết tắt tên loại văn bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Tên viết tắt của cơ quan, đơn vị<br>(ký hiệu cơ quan, đơn vị) | Mã định danh điện tử<br>(quy định tại Quyết định 326/QĐ-UBND ngày 25/6/2025, Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 15/12/2021; Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 18/8/2025) | Mã định danh tài liệu/văn bản<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |                                                                             |
| 8   | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch                  | (TTr), Hợp đồng (HD), Công điện (CD), Bản ghi nhớ (BGN), Bản thỏa thuận (BTT), Giấy ủy quyền (GUQ), Giấy mời (GM), Giấy giới thiệu (GGT), Giấy nghỉ phép (GNP), Phiếu gửi (PG), Phiếu chuyển (PC), Phiếu báo (PB), Bản sao y (SY), Bản trích sao (TrS) và Bản sao lục (SL); riêng công văn (Tên cơ quan, tổ chức chủ quan trực tiếp-Tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành công văn) được quy định mẫu 1.5. Công văn kèm theo Phụ lục III Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ. | SVHTTDL                                                       | H60.14                                                                                                                                                            | H60.14. Năm ban hành. Số văn bản. Tên loại văn bản                                     | H60.14. Năm ban hành. Số hồ sơ. Ký hiệu đơn vị/bộ phận                      |
| 9   | Sở Xây dựng                                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | SXD                                                           | H60.15                                                                                                                                                            | H60.15. Năm ban hành. Số văn bản. Tên loại văn bản                                     | H60.15. Năm ban hành. Số hồ sơ. Ký hiệu đơn vị/bộ phận                      |
| 10  | Sở Y tế                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | SYT                                                           | H60.16                                                                                                                                                            | H60.16. Năm ban hành. Số văn bản. Ký hiệu của văn bản                                  | H60.16. Năm ban hành. Số hồ sơ. Ký hiệu đơn vị/bộ phận                      |
| 11  | Thanh tra tỉnh                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | TTr                                                           | H60.17                                                                                                                                                            | H60.17. Năm ban hành. Số văn bản. Ký hiệu của văn bản                                  | H60.17. Năm ban hành. Số hồ sơ. Ký hiệu đơn vị/bộ phận                      |
| 12  | Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | VP                                                            | H60.19                                                                                                                                                            | H60.19. Năm ban hành. Số văn bản. Ký hiệu của văn bản                                  | H60.19. Năm ban hành. Số hồ sơ. Ký hiệu đơn vị/bộ phận                      |
| 13  | Sở Dân tộc và Tôn giáo                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | SDTTG                                                         | H60.45                                                                                                                                                            | H60.45. Năm ban hành. Số văn bản. Ký hiệu của văn bản                                  | H60.45. Năm ban hành. Số hồ sơ. Ký hiệu đơn vị/bộ phận                      |
| 14  | Sở Nông nghiệp và Môi trường                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | SNNMT                                                         | H60.46                                                                                                                                                            | H60.46. Năm ban hành. Số văn bản. Ký hiệu của văn bản                                  | H60.46. Năm ban hành. Số hồ sơ. Ký hiệu đơn vị/bộ phận                      |
| 15  | Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Tuyên Quang |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | BQLKCN                                                        | H60.47                                                                                                                                                            | H60.47. Năm ban hành. Số văn bản. Ký hiệu của văn bản                                  | H60.47. Năm ban hành. Số hồ sơ. Ký hiệu đơn vị/bộ phận                      |
| 16  | Ban Quản lý các khu kinh tế tỉnh Hà Giang        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | BQLKKT                                                        |                                                                                                                                                                   | H60..... Năm ban hành. Số văn bản. Ký hiệu của văn bản                                 | H60..... Năm ban hành. Số hồ sơ. Ký hiệu đơn vị/bộ phận                     |

| STT | Tên cơ quan, đơn vị                                               | Kí hiệu của văn bản           |                                                               | Mã định danh tài liệu                                                                                                                                             |                                                                                        | Mã định danh hồ sơ<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |
|-----|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                   | Chữ viết tắt tên loại văn bản | Tên viết tắt của cơ quan, đơn vị<br>(ký hiệu cơ quan, đơn vị) | Mã định danh điện tử<br>(quy định tại Quyết định 326/QĐ-UBND ngày 25/6/2025, Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 15/12/2021; Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 18/8/2025) | Mã định danh tài liệu/văn bản<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |                                                                             |
| 17  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình tỉnh Tuyên Quang |                               | BDACT                                                         | H60.48                                                                                                                                                            | H60.48.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                     | H60.48.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                         |
| 18  | Trường Đại học Tân Trào                                           |                               | ĐHTT                                                          | H60.40                                                                                                                                                            | H60.40.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                     | H60.40.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                         |
| 19  | Trường Cao đẳng Nghề Kỹ thuật - Công nghệ Tuyên Quang             |                               | CĐN                                                           | H60.39                                                                                                                                                            | H60.39.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                     | H60.39.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                         |
| 20  | Trường Cao đẳng nghề Kỹ thuật-Công nghệ Hà Giang                  |                               | CĐKTCN                                                        | H60.50                                                                                                                                                            | H60.50.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                     | H60.50.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                         |
| 21  | Trung tâm Phát triển Quỹ đất tỉnh Tuyên Quang                     |                               | TTPTQĐ                                                        | H60.51                                                                                                                                                            | H60.51.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                     | H60.51.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                         |
| 22  | Ban Quản lý các khu du lịch tỉnh Tuyên Quang                      |                               | BQLKDL                                                        | H60.41                                                                                                                                                            | H60.41.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                     | H60.41.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                         |
| 23  | Ban Di dân tái định cư thủy điện Tuyên Quang                      |                               | BDDTĐC                                                        | H60.27                                                                                                                                                            | H60.27.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                     | H60.27.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                         |
| 24  | Ban Điều phối các Dự án vốn nước ngoài                            |                               | BĐPDA                                                         | H60.28                                                                                                                                                            | H60.28.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                     | H60.28.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                         |

| STT | Tên cơ quan, đơn vị                                                                  | Kí hiệu của văn bản                                                                                                             |                                                               | Mã định danh tài liệu                                                                                                                                             |                                                                                        | Mã định danh hồ sơ<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
|     |                                                                                      | Chữ viết tắt tên loại văn bản                                                                                                   | Tên viết tắt của cơ quan, đơn vị<br>(ký hiệu cơ quan, đơn vị) | Mã định danh điện tử<br>(quy định tại Quyết định 326/QĐ-UBND ngày 25/6/2025, Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 15/12/2021; Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 18/8/2025) | Mã định danh tài liệu/văn bản<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |                                                                             |
| 25  | Trung tâm Xúc tiến đầu tư                                                            |                                                                                                                                 | TTXTĐT                                                        | H60.38                                                                                                                                                            | H60.38.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                     | H60.38.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                         |
| 26  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh                     |                                                                                                                                 | BDAGT                                                         | H60.31                                                                                                                                                            | H60.31.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                     | H60.31.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                         |
| 27  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp             |                                                                                                                                 | BDADDCN                                                       | H60.30                                                                                                                                                            | H60.30.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                     | H60.30.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                         |
| 28  | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và Phát triển nông thôn |                                                                                                                                 | BDANN                                                         | H60.32                                                                                                                                                            | H60.32.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                     | H60.32.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                         |
| 29  | Ban Quản lý dự án vốn nước ngoài tỉnh                                                |                                                                                                                                 | BDAVNN                                                        |                                                                                                                                                                   | H60.....Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.....Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| II  | Ủy ban nhân dân cấp xã (124 xã, phường)                                              |                                                                                                                                 |                                                               |                                                                                                                                                                   |                                                                                        |                                                                             |
| 1   | UBND xã Thượng Lâm                                                                   | Chữ viết tắt tên loại văn bản được quy định tại Phụ lục III Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác | UBND                                                          | H60.100                                                                                                                                                           | H60.100.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.100.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 2   | UBND xã Lâm Bình                                                                     |                                                                                                                                 | UBND                                                          | H60.101                                                                                                                                                           | H60.101.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.101.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |

| STT | Tên cơ quan, đơn vị | Kí hiệu của văn bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                               | Mã định danh tài liệu                                                                                                                                             |                                                                                        | Mã định danh hồ sơ<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |
|-----|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
|     |                     | Chữ viết tắt tên loại văn bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Tên viết tắt của cơ quan, đơn vị<br>(ký hiệu cơ quan, đơn vị) | Mã định danh điện tử<br>(quy định tại Quyết định 326/QĐ-UBND ngày 25/6/2025, Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 15/12/2021; Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 18/8/2025) | Mã định danh tài liệu/văn bản<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |                                                                             |
| 3   | UBND xã Minh Quang  | văn thư, quy định Chữ Viết tắt tên loại văn bản hành chính, bao gồm: Nghị quyết (NQ), Quyết định (QĐ), Chỉ thị (CT), Quy chế (QC), Quy định (QyĐ), Thông cáo (TC), Thông báo (TB), Hướng dẫn (HD), Chương trình (CTr), Kế hoạch (KH), Phương án (PA), Đề án (ĐA), Dự án (DA), Báo cáo (BC), Biên bản (BB), Tờ trình (TTr), Hợp đồng (HĐ), Công điện (CĐ), Bản ghi nhớ (BGN), Bản thỏa thuận (BTT), Giấy ủy quyền (GUQ), Giấy mời (GM), Giấy giới thiệu (GGT), Giấy nghỉ phép (GNP), Phiếu gửi (PG), Phiếu chuyển (PC), Phiếu báo (PB), Bản sao y (SY), Bản trích sao (TrS) và Bản sao lục (SL); riêng | UBND                                                          | H60.102                                                                                                                                                           | H60.102.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.102.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 4   | UBND xã Bình An     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | UBND                                                          | H60.103                                                                                                                                                           | H60.103.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.103.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 5   | UBND xã Côn Lôn     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | UBND                                                          | H60.104                                                                                                                                                           | H60.104.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.104.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 6   | UBND xã Yên Hoa     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | UBND                                                          | H60.105                                                                                                                                                           | H60.105.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.105.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 7   | UBND xã Thượng Nông |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | UBND                                                          | H60.106                                                                                                                                                           | H60.106.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.106.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 8   | UBND xã Hồng Thái   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | UBND                                                          | H60.107                                                                                                                                                           | H60.107.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.107.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 9   | UBND xã Nà Hang     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | UBND                                                          | H60.108                                                                                                                                                           | H60.108.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.108.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 10  | UBND xã Tân Mỹ      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | UBND                                                          | H60.109                                                                                                                                                           | H60.109.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.109.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 11  | UBND xã Yên Lập     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | UBND                                                          | H60.110                                                                                                                                                           | H60.110.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.110.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |

| STT | Tên cơ quan, đơn vị | Kí hiệu của văn bản                                                                                                                                                                                                             |                                                               | Mã định danh tài liệu                                                                                                                                             |                                                                                        | Mã định danh hồ sơ<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |
|-----|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
|     |                     | Chữ viết tắt tên loại văn bản                                                                                                                                                                                                   | Tên viết tắt của cơ quan, đơn vị<br>(ký hiệu cơ quan, đơn vị) | Mã định danh điện tử<br>(quy định tại Quyết định 326/QĐ-UBND ngày 25/6/2025, Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 15/12/2021; Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 18/8/2025) | Mã định danh tài liệu/văn bản<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |                                                                             |
| 12  | UBND xã Tân An      | công văn (Tên cơ quan, tổ chức chủ quan trực tiếp-Tên cơ quan, tổ chức hoặc chức danh nhà nước ban hành công văn) được quy định mẫu 1.5. Công văn kèm theo Phụ lục III Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ. | UBND                                                          | H60.111                                                                                                                                                           | H60.111.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.111.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 13  | UBND xã Chiêm Hoá   |                                                                                                                                                                                                                                 | UBND                                                          | H60.112                                                                                                                                                           | H60.112.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.112.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 14  | UBND xã Hoà An      |                                                                                                                                                                                                                                 | UBND                                                          | H60.113                                                                                                                                                           | H60.113.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.113.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 15  | UBND xã Kiên Đài    |                                                                                                                                                                                                                                 | UBND                                                          | H60.114                                                                                                                                                           | H60.114.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.114.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 16  | UBND xã Tri Phú     |                                                                                                                                                                                                                                 | UBND                                                          | H60.115                                                                                                                                                           | H60.115.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.115.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 17  | UBND xã Kim Bình    |                                                                                                                                                                                                                                 | UBND                                                          | H60.116                                                                                                                                                           | H60.116.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.116.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 18  | UBND xã Yên Nguyên  |                                                                                                                                                                                                                                 | UBND                                                          | H60.117                                                                                                                                                           | H60.117.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.117.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 19  | UBND xã Trung Hà    |                                                                                                                                                                                                                                 | UBND                                                          | H60.118                                                                                                                                                           | H60.118.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.118.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 20  | UBND xã Yên Phú     |                                                                                                                                                                                                                                 | UBND                                                          | H60.119                                                                                                                                                           | H60.119.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.119.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |

| STT | Tên cơ quan, đơn vị | Kí hiệu của văn bản           |                                                               | Mã định danh tài liệu                                                                                                                                             |                                                                                        | Mã định danh hồ sơ<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |
|-----|---------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
|     |                     | Chữ viết tắt tên loại văn bản | Tên viết tắt của cơ quan, đơn vị<br>(ký hiệu cơ quan, đơn vị) | Mã định danh điện tử<br>(quy định tại Quyết định 326/QĐ-UBND ngày 25/6/2025, Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 15/12/2021; Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 18/8/2025) | Mã định danh tài liệu/văn bản<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |                                                                             |
| 21  | UBND xã Bạch Xa     |                               | UBND                                                          | H60.120                                                                                                                                                           | H60.120.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.120.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 22  | UBND xã Phù Lưu     |                               | UBND                                                          | H60.121                                                                                                                                                           | H60.121.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.121.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 23  | UBND xã Hàm Yên     |                               | UBND                                                          | H60.122                                                                                                                                                           | H60.122.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.122.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 24  | UBND xã Bình Xa     |                               | UBND                                                          | H60.123                                                                                                                                                           | H60.123.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.123.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 25  | UBND xã Thái Sơn    |                               | UBND                                                          | H60.124                                                                                                                                                           | H60.124.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.124.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 26  | UBND xã Thái Hoà    |                               | UBND                                                          | H60.125                                                                                                                                                           | H60.125.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.125.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 27  | UBND xã Hùng Đức    |                               | UBND                                                          | H60.126                                                                                                                                                           | H60.126.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.126.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 28  | UBND xã Hùng Lợi    |                               | UBND                                                          | H60.127                                                                                                                                                           | H60.127.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.127.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 29  | UBND xã Trung Sơn   |                               | UBND                                                          | H60.128                                                                                                                                                           | H60.128.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.128.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |

| STT | Tên cơ quan, đơn vị | Kí hiệu của văn bản           |                                                               | Mã định danh tài liệu                                                                                                                                             |                                                                                        | Mã định danh hồ sơ<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |
|-----|---------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
|     |                     | Chữ viết tắt tên loại văn bản | Tên viết tắt của cơ quan, đơn vị<br>(ký hiệu cơ quan, đơn vị) | Mã định danh điện tử<br>(quy định tại Quyết định 326/QĐ-UBND ngày 25/6/2025, Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 15/12/2021; Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 18/8/2025) | Mã định danh tài liệu/văn bản<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |                                                                             |
| 30  | UBND xã Thái Bình   |                               | UBND                                                          | H60.129                                                                                                                                                           | H60.129.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.129.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 31  | UBND xã Tân Long    |                               | UBND                                                          | H60.130                                                                                                                                                           | H60.130.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.130.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 32  | UBND xã Xuân Vân    |                               | UBND                                                          | H60.131                                                                                                                                                           | H60.131.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.131.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 33  | UBND xã Lực Hành    |                               | UBND                                                          | H60.132                                                                                                                                                           | H60.132.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.132.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 34  | UBND xã Yên Sơn     |                               | UBND                                                          | H60.133                                                                                                                                                           | H60.133.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.133.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 35  | UBND xã Nhữ Khê     |                               | UBND                                                          | H60.134                                                                                                                                                           | H60.134.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.134.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 36  | UBND xã Kiến Thiết  |                               | UBND                                                          | H60.135                                                                                                                                                           | H60.135.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.135.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 37  | UBND xã Tân Trào    |                               | UBND                                                          | H60.136                                                                                                                                                           | H60.136.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.136.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 38  | UBND xã Minh Thanh  |                               | UBND                                                          | H60.137                                                                                                                                                           | H60.137.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.137.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |

| STT | Tên cơ quan, đơn vị | Kí hiệu của văn bản           |                                                            | Mã định danh tài liệu                                                                                                                                          |                                                                                     | Mã định danh hồ sơ<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |
|-----|---------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
|     |                     | Chữ viết tắt tên loại văn bản | Tên viết tắt của cơ quan, đơn vị (ký hiệu cơ quan, đơn vị) | Mã định danh điện tử (quy định tại Quyết định 326/QĐ-UBND ngày 25/6/2025, Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 15/12/2021; Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 18/8/2025) | Mã định danh tài liệu/văn bản (hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |                                                                             |
| 39  | UBND xã Sơn Dương   |                               | UBND                                                       | H60.138                                                                                                                                                        | H60.138.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.138.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 40  | UBND xã Bình Ca     |                               | UBND                                                       | H60.139                                                                                                                                                        | H60.139.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.139.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 41  | UBND xã Tân Thanh   |                               | UBND                                                       | H60.140                                                                                                                                                        | H60.140.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.140.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 42  | UBND xã Sơn Thủy    |                               | UBND                                                       | H60.141                                                                                                                                                        | H60.141.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.141.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 43  | UBND xã Phú Lương   |                               | UBND                                                       | H60.142                                                                                                                                                        | H60.142.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.142.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 44  | UBND xã Trường Sinh |                               | UBND                                                       | H60.143                                                                                                                                                        | H60.143.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.143.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 45  | UBND xã Hồng Sơn    |                               | UBND                                                       | H60.144                                                                                                                                                        | H60.144.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.144.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 46  | UBND xã Đông Thọ    |                               | UBND                                                       | H60.145                                                                                                                                                        | H60.145.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.145.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 47  | UBND Phường Mỹ Lâm  |                               | UBND                                                       | H60.146                                                                                                                                                        | H60.146.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.146.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |

| STT | Tên cơ quan, đơn vị    | Kí hiệu của văn bản           |                                                               | Mã định danh tài liệu                                                                                                                                             |                                                                                        | Mã định danh hồ sơ<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |
|-----|------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
|     |                        | Chữ viết tắt tên loại văn bản | Tên viết tắt của cơ quan, đơn vị<br>(ký hiệu cơ quan, đơn vị) | Mã định danh điện tử<br>(quy định tại Quyết định 326/QĐ-UBND ngày 25/6/2025, Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 15/12/2021; Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 18/8/2025) | Mã định danh tài liệu/văn bản<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |                                                                             |
| 48  | UBND Phường Minh Xuân  |                               | UBND                                                          | H60.147                                                                                                                                                           | H60.147.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.147.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 49  | UBND Phường Nông Tiến  |                               | UBND                                                          | H60.148                                                                                                                                                           | H60.148.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.148.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 50  | UBND Phường An Tường   |                               | UBND                                                          | H60.149                                                                                                                                                           | H60.149.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.149.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 51  | UBND Phường Bình Thuận |                               | UBND                                                          | H60.150                                                                                                                                                           | H60.150.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.150.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 52  | UBND xã Lũng Cú        |                               | UBND                                                          | H60.151                                                                                                                                                           | H60.151.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.151.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 53  | UBND xã Đồng Văn       |                               | UBND                                                          | H60.152                                                                                                                                                           | H60.152.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.152.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 54  | UBND xã Sả Phìn        |                               | UBND                                                          | H60.153                                                                                                                                                           | H60.153.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.153.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 55  | UBND xã Phố Bàng       |                               | UBND                                                          | H60.154                                                                                                                                                           | H60.154.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.154.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 56  | UBND xã Lũng Phìn      |                               | UBND                                                          | H60.155                                                                                                                                                           | H60.155.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.155.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |

| STT | Tên cơ quan, đơn vị | Kí hiệu của văn bản           |                                                               | Mã định danh tài liệu                                                                                                                                             |                                                                                        | Mã định danh hồ sơ<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |
|-----|---------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
|     |                     | Chữ viết tắt tên loại văn bản | Tên viết tắt của cơ quan, đơn vị<br>(ký hiệu cơ quan, đơn vị) | Mã định danh điện tử<br>(quy định tại Quyết định 326/QĐ-UBND ngày 25/6/2025, Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 15/12/2021; Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 18/8/2025) | Mã định danh tài liệu/văn bản<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |                                                                             |
| 57  | UBND xã Sùng Máng   |                               | UBND                                                          | H60.156                                                                                                                                                           | H60.156.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.156.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 58  | UBND xã Sơn Vĩ      |                               | UBND                                                          | H60.157                                                                                                                                                           | H60.157.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.157.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 59  | UBND xã Mèo Vạc     |                               | UBND                                                          | H60.158                                                                                                                                                           | H60.158.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.158.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 60  | UBND xã Khâu Vai    |                               | UBND                                                          | H60.159                                                                                                                                                           | H60.159.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.159.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 61  | UBND xã Niêm Sơn    |                               | UBND                                                          | H60.160                                                                                                                                                           | H60.160.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.160.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 62  | UBND xã Tát Ngà     |                               | UBND                                                          | H60.161                                                                                                                                                           | H60.161.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.161.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 63  | UBND xã Thắng Mổ    |                               | UBND                                                          | H60.162                                                                                                                                                           | H60.162.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.162.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 64  | UBND xã Bạch Đích   |                               | UBND                                                          | H60.163                                                                                                                                                           | H60.163.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.163.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 65  | UBND xã Yên Minh    |                               | UBND                                                          | H60.164                                                                                                                                                           | H60.164.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.164.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |

| STT | Tên cơ quan, đơn vị  | Kí hiệu của văn bản           |                                                               | Mã định danh tài liệu                                                                                                                                          |                                                                                     | Mã định danh hồ sơ<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |
|-----|----------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
|     |                      | Chữ viết tắt tên loại văn bản | Tên viết tắt của cơ quan, đơn vị<br>(ký hiệu cơ quan, đơn vị) | Mã định danh điện tử (quy định tại Quyết định 326/QĐ-UBND ngày 25/6/2025, Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 15/12/2021; Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 18/8/2025) | Mã định danh tài liệu/văn bản (hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |                                                                             |
| 66  | UBND xã Mậu Duệ      |                               | UBND                                                          | H60.165                                                                                                                                                        | H60.165.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.165.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 67  | UBND xã Ngọc Long    |                               | UBND                                                          | H60.166                                                                                                                                                        | H60.166.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.166.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 68  | UBND xã Du Già       |                               | UBND                                                          | H60.167                                                                                                                                                        | H60.167.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.167.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 69  | UBND xã Đường Thượng |                               | UBND                                                          | H60.168                                                                                                                                                        | H60.168.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.168.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 70  | UBND xã Lũng Tám     |                               | UBND                                                          | H60.169                                                                                                                                                        | H60.169.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.169.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 71  | UBND xã Cán Tỷ       |                               | UBND                                                          | H60.170                                                                                                                                                        | H60.170.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.170.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 72  | UBND xã Nghĩa Thuận  |                               | UBND                                                          | H60.171                                                                                                                                                        | H60.171.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.171.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 73  | UBND xã Quán Bạ      |                               | UBND                                                          | H60.172                                                                                                                                                        | H60.172.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.172.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 74  | UBND xã Tùng Vải     |                               | UBND                                                          | H60.173                                                                                                                                                        | H60.173.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.173.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |

| STT | Tên cơ quan, đơn vị    | Kí hiệu của văn bản           |                                                               | Mã định danh tài liệu                                                                                                                                             |                                                                                        | Mã định danh hồ sơ<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |
|-----|------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
|     |                        | Chữ viết tắt tên loại văn bản | Tên viết tắt của cơ quan, đơn vị<br>(ký hiệu cơ quan, đơn vị) | Mã định danh điện tử<br>(quy định tại Quyết định 326/QĐ-UBND ngày 25/6/2025, Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 15/12/2021; Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 18/8/2025) | Mã định danh tài liệu/văn bản<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |                                                                             |
| 75  | UBND xã Yên Cường      |                               | UBND                                                          | H60.174                                                                                                                                                           | H60.174.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.174.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 76  | UBND xã Đường Hồng     |                               | UBND                                                          | H60.175                                                                                                                                                           | H60.175.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.175.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 77  | UBND xã Bắc Mê         |                               | UBND                                                          | H60.176                                                                                                                                                           | H60.176.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.176.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 78  | UBND xã Giáp Trung     |                               | UBND                                                          | H60.177                                                                                                                                                           | H60.177.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.177.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 79  | UBND xã Minh Sơn       |                               | UBND                                                          | H60.178                                                                                                                                                           | H60.178.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.178.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 80  | UBND xã Minh Ngọc      |                               | UBND                                                          | H60.179                                                                                                                                                           | H60.179.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.179.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 81  | UBND xã Ngọc Đường     |                               | UBND                                                          | H60.180                                                                                                                                                           | H60.180.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.180.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 82  | UBND Phường Hà Giang 1 |                               | UBND                                                          | H60.181                                                                                                                                                           | H60.181.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.181.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 83  | UBND Phường Hà Giang 2 |                               | UBND                                                          | H60.182                                                                                                                                                           | H60.182.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.182.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |

| STT | Tên cơ quan, đơn vị | Kí hiệu của văn bản           |                                                            | Mã định danh tài liệu                                                                                                                                          |                                                                                     | Mã định danh hồ sơ<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |
|-----|---------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
|     |                     | Chữ viết tắt tên loại văn bản | Tên viết tắt của cơ quan, đơn vị (ký hiệu cơ quan, đơn vị) | Mã định danh điện tử (quy định tại Quyết định 326/QĐ-UBND ngày 25/6/2025, Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 15/12/2021; Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 18/8/2025) | Mã định danh tài liệu/văn bản (hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |                                                                             |
| 84  | UBND xã Lao Chải    |                               | UBND                                                       | H60.183                                                                                                                                                        | H60.183.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.183.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 85  | UBND xã Thanh Thủy  |                               | UBND                                                       | H60.184                                                                                                                                                        | H60.184.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.184.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 86  | UBND xã Minh Tân    |                               | UBND                                                       | H60.185                                                                                                                                                        | H60.185.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.185.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 87  | UBND xã Thuận Hòa   |                               | UBND                                                       | H60.186                                                                                                                                                        | H60.186.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.186.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 88  | UBND xã Tùng Bá     |                               | UBND                                                       | H60.187                                                                                                                                                        | H60.187.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.187.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 89  | UBND xã Phú Linh    |                               | UBND                                                       | H60.188                                                                                                                                                        | H60.188.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.188.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 90  | UBND xã Linh Hồ     |                               | UBND                                                       | H60.189                                                                                                                                                        | H60.189.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.189.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 91  | UBND xã Bạch Ngọc   |                               | UBND                                                       | H60.190                                                                                                                                                        | H60.190.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.190.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 92  | UBND xã Vĩ Xuyên    |                               | UBND                                                       | H60.191                                                                                                                                                        | H60.191.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.191.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |

| STT | Tên cơ quan, đơn vị | Kí hiệu của văn bản           |                                                               | Mã định danh tài liệu                                                                                                                                             |                                                                                        | Mã định danh hồ sơ<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |
|-----|---------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
|     |                     | Chữ viết tắt tên loại văn bản | Tên viết tắt của cơ quan, đơn vị<br>(ký hiệu cơ quan, đơn vị) | Mã định danh điện tử<br>(quy định tại Quyết định 326/QĐ-UBND ngày 25/6/2025, Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 15/12/2021; Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 18/8/2025) | Mã định danh tài liệu/văn bản<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |                                                                             |
| 93  | UBND xã Việt Lâm    |                               | UBND                                                          | H60.192                                                                                                                                                           | H60.192.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.192.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 94  | UBND xã Cao Bồ      |                               | UBND                                                          | H60.193                                                                                                                                                           | H60.193.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.193.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 95  | UBND xã Thượng Sơn  |                               | UBND                                                          | H60.194                                                                                                                                                           | H60.194.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.194.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 96  | UBND xã Tân Quang   |                               | UBND                                                          | H60.195                                                                                                                                                           | H60.195.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                                   | H60.195.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 97  | UBND xã Đồng Tâm    |                               | UBND                                                          | H60.196                                                                                                                                                           | H60.196.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.196.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 98  | UBND xã Liên Hiệp   |                               | UBND                                                          | H60.197                                                                                                                                                           | H60.197.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.197.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 99  | UBND xã Bằng Hành   |                               | UBND                                                          | H60.198                                                                                                                                                           | H60.198.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.198.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 100 | UBND xã Bắc Quang   |                               | UBND                                                          | H60.199                                                                                                                                                           | H60.199.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.199.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 101 | UBND xã Hùng An     |                               | UBND                                                          | H60.200                                                                                                                                                           | H60.200.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.200.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |

| STT | Tên cơ quan, đơn vị | Kí hiệu của văn bản           |                                                               | Mã định danh tài liệu                                                                                                                                             |                                                                                        | Mã định danh hồ sơ<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |
|-----|---------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
|     |                     | Chữ viết tắt tên loại văn bản | Tên viết tắt của cơ quan, đơn vị<br>(ký hiệu cơ quan, đơn vị) | Mã định danh điện tử<br>(quy định tại Quyết định 326/QĐ-UBND ngày 25/6/2025, Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 15/12/2021; Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 18/8/2025) | Mã định danh tài liệu/văn bản<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |                                                                             |
| 102 | UBND xã Vĩnh Tuy    |                               | UBND                                                          | H60.201                                                                                                                                                           | H60.201.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.201.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 103 | UBND xã Đồng Yên    |                               | UBND                                                          | H60.202                                                                                                                                                           | H60.202.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.202.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 104 | UBND xã Tiên Yên    |                               | UBND                                                          | H60.203                                                                                                                                                           | H60.203.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.203.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 105 | UBND xã Xuân Giang  |                               | UBND                                                          | H60.204                                                                                                                                                           | H60.204.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.204.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 106 | UBND xã Bằng Lang   |                               | UBND                                                          | H60.205                                                                                                                                                           | H60.205.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.205.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 107 | UBND xã Yên Thành   |                               | UBND                                                          | H60.206                                                                                                                                                           | H60.206.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.206.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 108 | UBND xã Quang Bình  |                               | UBND                                                          | H60.207                                                                                                                                                           | H60.207.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.207.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 109 | UBND xã Tân Trịnh   |                               | UBND                                                          | H60.208                                                                                                                                                           | H60.208.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.208.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 110 | UBND xã Tiên Nguyên |                               | UBND                                                          | H60.209                                                                                                                                                           | H60.209.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.209.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |

| STT | Tên cơ quan, đơn vị  | Kí hiệu của văn bản           |                                                               | Mã định danh tài liệu                                                                                                                                             |                                                                                        | Mã định danh hồ sơ<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |
|-----|----------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
|     |                      | Chữ viết tắt tên loại văn bản | Tên viết tắt của cơ quan, đơn vị<br>(ký hiệu cơ quan, đơn vị) | Mã định danh điện tử<br>(quy định tại Quyết định 326/QĐ-UBND ngày 25/6/2025, Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 15/12/2021; Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 18/8/2025) | Mã định danh tài liệu/văn bản<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |                                                                             |
| 111 | UBND xã Thông Nguyên |                               | UBND                                                          | H60.210                                                                                                                                                           | H60.210.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.210.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 112 | UBND xã Hồ Thầu      |                               | UBND                                                          | H60.211                                                                                                                                                           | H60.211.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.211.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 113 | UBND xã Nậm Dịch     |                               | UBND                                                          | H60.212                                                                                                                                                           | H60.212.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.212.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 114 | UBND xã Tân Tiến     |                               | UBND                                                          | H60.213                                                                                                                                                           | H60.213.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.213.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 115 | UBND xã Hoàng Su Phì |                               | UBND                                                          | H60.214                                                                                                                                                           | H60.214.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.214.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 116 | UBND xã Thành Tín    |                               | UBND                                                          | H60.215                                                                                                                                                           | H60.215.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.215.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 117 | UBND xã Bản Máy      |                               | UBND                                                          | H60.216                                                                                                                                                           | H60.216.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.216.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 118 | UBND xã Pờ Ly Ngải   |                               | UBND                                                          | H60.217                                                                                                                                                           | H60.217.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.217.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 119 | UBND xã Xín Mần      |                               | UBND                                                          | H60.218                                                                                                                                                           | H60.218.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                    | H60.218.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |

| STT | Tên cơ quan, đơn vị  | Kí hiệu của văn bản           |                                                            | Mã định danh tài liệu                                                                                                                                          |                                                                                     | Mã định danh hồ sơ<br>(hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |
|-----|----------------------|-------------------------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
|     |                      | Chữ viết tắt tên loại văn bản | Tên viết tắt của cơ quan, đơn vị (ký hiệu cơ quan, đơn vị) | Mã định danh điện tử (quy định tại Quyết định 326/QĐ-UBND ngày 25/6/2025, Quyết định số 774/QĐ-UBND ngày 15/12/2021; Quyết định số 475/QĐ-UBND ngày 18/8/2025) | Mã định danh tài liệu/văn bản (hướng dẫn chi tiết thành phần tại ghi chú dưới biểu) |                                                                             |
| 120 | UBND xã Pà Vây Sủ    |                               | UBND                                                       | H60.219                                                                                                                                                        | H60.219.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.219.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 121 | UBND xã Năm Dăn      |                               | UBND                                                       | H60.220                                                                                                                                                        | H60.220.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.220.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 122 | UBND xã Trung Thịnh  |                               | UBND                                                       | H60.221                                                                                                                                                        | H60.221.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.221.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 123 | UBND xã Quảng Nguyên |                               | UBND                                                       | H60.222                                                                                                                                                        | H60.222.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.222.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |
| 124 | UBND xã Khuôn Lũng   |                               | UBND                                                       | H60.223                                                                                                                                                        | H60.223.Năm ban hành.Số văn bản.Kí hiệu của văn bản                                 | H60.223.Năm ban hành.Số hồ sơ.Ký hiệu đơn vị/bộ phận                        |

### Chú thích biểu:

**1. Mã định danh tài liệu/văn bản bao gồm:** (1) Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức +(2) Năm ban hành +(3) Số văn bản + (4) Kí hiệu của văn bản

*Trong đó:*

(1) Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức được cấp theo Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu và trao đổi văn bản điện tử với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với các bộ, ngành địa phương (Ví dụ: Sở Công thương: H60.01).

(2) Năm ban hành văn bản (ví dụ: 2025)

(3) Số văn bản: Số thứ tự văn bản đăng ký tại văn thư cơ quan, đơn vị (ví dụ: 336)

(4) Kí hiệu của Văn bản gồm Chữ viết tắt tên loại văn bản được quy định tại Phụ lục III kèm theo Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ (ví dụ: Nghị quyết: NQ, Quyết định: QĐ...) và Tên viết tắt cơ quan, đơn vị (ví dụ: Sở Công Thương: SCT, Sở Nội vụ: SNV)

\* Lưu ý:

- Các thành phần của Mã định danh tài liệu/văn bản được phân định bởi dấu chấm (.) theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 8 Thông tư số 05/2025/TT-BNV ngày 14/5/2025 của Bộ Nội vụ quy định nghiệp vụ lưu trữ tài liệu lưu trữ số

- Độ dài các thành phần được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ và Thông tư số 05/2025 TT-BNV ngày 14/5/2025 của Bộ Nội vụ.

Ví dụ 1: Quyết định số 336/QĐ-SNV ngày 01/01/2025 do Sở Nội vụ ban hành có mã định danh tài liệu: **H60.08.2025.336.QĐ.SNV;**

Ví dụ 2: Công văn số 12/SNV-VP ngày 01/05/2025 do Sở Nội vụ ban hành có mã định danh tài liệu: **H60.08.2025.12.SNV.VP**

**2. Mã định danh hồ sơ bao gồm:** (1) Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức + (2) năm hình thành hồ sơ + (3) Số hồ sơ + (4) Kí hiệu đơn vị/bộ phận

Trong đó:

(1) Mã định danh điện tử cơ quan/tổ chức được cấp theo Quyết định số 326/QĐ-UBND ngày 25 tháng 6 năm 2025 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ mã định danh điện tử của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu và trao đổi văn bản điện tử với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu với các bộ, ngành địa phương (ví dụ: Sở Công Thương: H60.01).

(2) Năm ban hành văn bản (ví dụ: 2025).

(3) Số hồ sơ được lấy theo Danh mục hồ sơ cơ quan/đơn vị: Danh mục do Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phê duyệt ban hành vào đầu năm theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ (ví dụ: Hồ sơ xây dựng, ban hành quy định, hướng dẫn những vấn đề chung của cơ quan, tổ chức: 01).

(4) Kí hiệu đơn vị/bộ phận (tên viết tắt của đơn vị/bộ phận trực thuộc) do Người đứng đầu cơ quan, đơn vị quy định (Ví dụ: Văn phòng: VP, phòng Tài chính: TC...)

\* Lưu ý:

- Các thành phần được phân định bởi dấu chấm (.) theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 8 Thông tư số 05/2025/TT-BNV ngày 14/5/2025 của Bộ Nội vụ quy định nghiệp vụ lưu trữ tài liệu lưu trữ số

- Độ dài các thành phần được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ và Thông tư số 05/2025 của Bộ Nội vụ.

*Ví dụ:* Tại Quyết định số 204/QĐ-SNV ngày 25/10/2024 của Sở Nội vụ ban hành Danh mục Hồ sơ của Sở Nội vụ tỉnh Tuyên Quang; trong đó quy định hồ sơ của Văn phòng Sở:

- + Hồ sơ xây dựng, ban hành quy định, hướng dẫn những vấn đề chung của cơ quan, tổ chức; số, kí hiệu: 01.VP;
- + Hồ sơ xây dựng, ban hành kế hoạch, báo cáo tổng hợp, chuyên đề năm, nhiều năm (của cơ quan); số hiệu: 02.VP;
- + Hồ sơ xây dựng, ban hành kế hoạch, báo cáo tổng hợp, chuyên đề năm, nhiều năm (của đơn vị thuộc và trực thuộc) số hiệu: 03.VP;

...

Như vậy, Hồ sơ xây dựng, ban hành quy định, hướng dẫn những vấn đề chung của cơ quan, tổ chức, số, kí hiệu do Văn phòng Sở Nội vụ tham mưu có mã định danh hồ sơ: **H60.08.2025.01.VP./.**